

Số: 13 /2024/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật,
chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 03/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức và cá nhân sử dụng ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở theo các đề án, chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được cấp có thẩm quyền ở địa phương phê duyệt.

b) Hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật mang tính thường xuyên (không thuộc các đề án, chương trình, kế hoạch nêu tại điểm a khoản 2 Điều này) và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác được giao nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở được áp dụng mức chi theo Nghị quyết này.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện

1. Nội dung chi và mức chi

Thực hiện theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và từ nguồn kinh phí tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước và huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này, được thực hiện theo Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và các văn bản pháp luật hiện hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 11/7/2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/7/2024; thay thế Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND ngày 20/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP. Quốc hội; VP. Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, TP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hậu

PHỤ LỤC

Một số nội dung, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải cơ sở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày /7/2024 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 Đồng)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
I. Nội dung, mức chi xây dựng văn bản, chỉ đạo điều hành về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở.						
1	Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù.					
1.1	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	1.500	1.000	500	
1.2	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	450	300	150	
1.3	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	2.250	1.400	850	
1.4	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	7.500	4.500	3.000	
2	Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch, gồm:					

2.1	Xây dựng đề cương					
	Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	1.200	720	480	
	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương hoàn chỉnh	2.000	1.200	800	
2.2	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, Đề án, Kế hoạch	3.000	1.800	1.200	
	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	500	300	200	
2.3	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý					
	Chủ trì	Người/buổi	200	120	80	
	Thành viên dự	Người/buổi	100	60	40	
2.4	Ý kiến tư vấn chuyên gia	Văn bản	500	300	200	
2.5	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi	200	120	80	
	Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	150	90	60	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	60	40	
	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	300	180	120	
	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200	120	80	
2.6	Lấy ý kiến thẩm định Chương trình, Đề án, Kế hoạch (đối với trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt)	Bài viết	500	300	200	
2.7	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	500	300	200	
3	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt.					
3.1	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật: 50.000 đồng/người/ngày (không quá 1 ngày)	<i>Theo quy định tại điểm a Khoản 12 Điều 3 Thông tư 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</i>				

3.2	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt: 20.000 đồng/người/buổi	<i>Theo quy định tại điểm b Khoản 12 Điều 3 Thông tư 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</i>				
4	Chi thực hiện báo cáo tổng kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.					
4.1	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã):75.000 đồng/báo cáo	<i>Theo quy định tại điểm a Khoản 14 Điều 3 Thông tư 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</i>				
4.2	Viết báo cáo					
	Báo cáo tổng hợp, trình báo cáo UBND tỉnh	Báo cáo	4.500			<i>Chỉ áp dụng đối cấp tỉnh</i>
	Báo cáo định kỳ hàng năm của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Báo cáo	3000	1800	1200	
	Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	3000	1800	1200	
	Báo cáo đột xuất	Báo cáo	1000	600	400	
II. Nội dung, mức chi tổ chức Hội thi, cuộc thi và công tác chuẩn tiếp cận pháp luật.						
1	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi.					
1.1	Chi biên soạn đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, bồi dưỡng thành viên Ban Tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng và một số nội dung chi khác để phục vụ tổ chức cuộc thi	<i>Thực hiện theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận</i>				
1.2	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi viết, thi sân khấu, thi trên internet					
	Thuê dẫn chương trình	Người/ngày	2.500	2.000	1.500	
	Thuê hội trường và các thiết bị phục vụ cuộc thi	Ngày	12.000	10.000	8.000	

	sân khấu				
	Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	450		
	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá (đối với cuộc thi qua mạng điện tử):	<p><i>Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử; Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản, các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành và các chế độ, định mức chi tiêu quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước.</i></p>			
1.3	Chi giải thưởng				
	Giải nhất				
	Tập thể		15.000	11.000	9.000
	Cá nhân		9.000	5.000	3.000
	Giải nhì				
	Tập thể		10.500	6.500	4.500
	Cá nhân		4.500	3.000	2.000
	Giải ba				
	Tập thể		7.500	5.500	3.500
	Cá nhân		3.000	2.000	1.000
	Giải khuyến khích				

	Tập thể		4.500	3.000	2.000		
	Cá nhân		1.500	1.000	5.00		
	Giải phụ khác		7.500	5.00	3.00		
2	Chi tổ chức cuộc họp đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã.	<i>Nội dung và mức chi chủ trì và các thành viên tham dự thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7 /2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật).</i>					
III. Nội dung, mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.							
1	Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở.						
1.1	Chi thù lao cho hòa giải viên theo vụ, việc hòa giải (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): 300.000 đồng/vụ, việc	<i>Theo quy định tại điểm a Khoản 17 Điều 3 Thông tư 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</i>					
1.2	Trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở: 400.000 đồng/vụ, việc						
2	Hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả trường hợp hòa giải viên bị tai nạn được cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc trước khi chết).						
2.1	Đối với người bị tai nạn có tham gia bảo hiểm y tế	<i>Thanh toán theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế</i>					

	thì việc thanh toán chi phí y tế cho cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với người bị tai nạn được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế	<i>(được sửa đổi, bổ sung năm 2014)</i>	
2.2	Đối với người bị tai nạn không tham gia bảo hiểm y tế ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút bằng mức hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế	<i>Thanh toán theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)</i>	
3	Hỗ trợ thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong thời gian cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút.	<i>Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-BYT ngày 09/7/2013 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Y tế hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ, mức hỗ trợ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữa thập đở bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe.</i>	
4	Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: 05 tháng lương cơ sở.	<i>Theo quy định tại điểm d Khoản 17 Điều 3 Thông tư 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</i>	
5	Chi hỗ trợ hoạt động hàng tháng của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 150.000 đồng/tổ hòa giải/tháng.	<i>Theo quy định tại điểm đ Khoản 17 Điều 3 Thông tư 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</i>	